

Số: 862/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam tại Tờ trình số 309/ĐKVN ngày 20 tháng 02 năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Đăng kiểm Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng kiểm đối với phương tiện giao thông và phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng, container, nồi hơi và bình chịu áp lực sử dụng trong giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải trong phạm vi cả nước (sau đây gọi tắt là phương tiện, thiết bị giao thông vận tải); tổ chức thực hiện công tác đăng kiểm chất lượng an toàn kỹ thuật các loại phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển theo quy định của pháp luật.

Cục Đăng kiểm Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hành chính và con dấu nghiệp vụ, được mở tài khoản tại Ngân hàng, có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Cục Đăng kiểm Việt Nam có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: VIET NAM REGISTER, viết tắt là: VR.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án quốc gia, các đề án phát triển về đăng kiểm phương tiện, thiết bị giao thông vận tải trong phạm vi cả nước.

2. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các dự án luật, pháp lệnh, các văn bản quy phạm pháp luật khác về đăng kiểm; ban hành theo thẩm quyền các văn bản quản lý chuyên ngành về đăng kiểm.

3. Chủ trì xây dựng trình Bộ trưởng ban hành hoặc Bộ trưởng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phương tiện và thiết bị giao thông vận tải và các danh mục sản phẩm cơ khí giao thông vận tải theo phạm vi quản lý.

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra thực hiện và rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới hoạt động đăng kiểm sau khi được ban hành hoặc phê duyệt.

5. Chủ trì hoặc phối hợp trong việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đăng kiểm.

6. Tổ chức thực hiện công tác đăng kiểm chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các phương tiện, thiết bị khác (trừ phương tiện, thiết bị phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá), bao gồm:

a) Thẩm định các thiết kế để sản xuất, sửa chữa, hoán cải phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển;

b) Kiểm tra công nhận kiểu loại, phạm vi hoạt động theo mức độ an toàn cho phép của các phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển;

c) Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong chế tạo, lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, nhập khẩu và khai thác sử dụng các loại phương tiện và thiết bị giao thông vận tải;

d) Kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển, các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế liên quan đến an toàn hàng hải mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập;

đ) Đánh giá và cấp giấy chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn, hệ thống an ninh, kế hoạch an ninh tàu biển Việt Nam theo quy định của Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế và Bộ luật An ninh cho tàu biển và cảng biển;

e) Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật cho các tàu biển nước ngoài theo thông lệ quốc tế hoặc theo lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

g) Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đối với thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng, container, nồi hơi, bình chịu áp lực và các phương tiện, thiết bị chuyên dùng khác sử dụng trong giao thông vận tải;

h) Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, bảo vệ môi trường theo yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

i) Giám định trạng thái kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước hoặc chủ phương tiện thiết bị;

k) Xem xét ủy quyền cho các tổ chức đăng kiểm nước ngoài thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn cho tàu biển, các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển theo yêu cầu của chủ phương tiện, thiết bị;

l) Hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức đăng kiểm trong nước và nước ngoài thực hiện công tác đăng kiểm phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;

m) Tổ chức thu phí, lệ phí đăng kiểm theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng trình Bộ trưởng kế hoạch hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về đăng kiểm; tham gia xây dựng, đàm phán ký kết, gia nhập các Điều ước và thỏa thuận quốc tế, các tổ chức quốc tế về đăng kiểm; tổ chức thực hiện các hoạt động về hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về đăng kiểm theo phân cấp quản lý.

8. Xây dựng trình Bộ trưởng công bố tiêu chuẩn đơn vị đăng kiểm. Tổ chức đánh giá, chứng nhận điều kiện hoạt động của các đơn vị đăng kiểm, các cơ sở thử nghiệm phục vụ công tác đăng kiểm theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, quy định tiêu chuẩn đăng kiểm viên, đánh giá viên, nhân viên nghiệp vụ. Tổ chức đào tạo, cấp giấy chứng nhận cho đăng kiểm viên, đánh giá viên và nhân viên nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; đào tạo cán bộ quản lý an toàn, sỹ quan an ninh tàu biển, cán bộ an ninh của các tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn và Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

10. Quy định quản lý và phát hành các loại ấn chỉ trong hoạt động đăng kiểm.

11. Về quản lý các dự án đầu tư trong lĩnh vực đăng kiểm:

a) Tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp, ủy quyền của Bộ Giao thông vận tải;

b) Thực hiện chức năng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư về đăng kiểm.

12. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong hoạt động đăng kiểm.

13. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực theo thẩm quyền của Cục.

15. Xây dựng trình Bộ trưởng quyết định cơ cấu tổ chức của Cục; quản lý tổ chức bộ máy, định biên của Cục; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tài chính, tài sản của Cục theo quy định của pháp luật.

17. Được trực tiếp quan hệ với các cơ quan nhà nước có liên quan hoặc theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các tổ chức giúp việc Cục trưởng:

a) Phòng Quy phạm;

b) Phòng Công trình biển;

c) Phòng Công nghiệp;

d) Phòng Tàu biển;

đ) Phòng Tàu sông;

e) Phòng Chất lượng xe cơ giới;

g) Phòng Kiểm định xe cơ giới;

h) Phòng Đường sắt;

i) Phòng Pháp chế - ISO;

k) Phòng Khoa học công nghệ và Môi trường;

l) Phòng Kế hoạch - Đầu tư;

m) Phòng Hợp tác quốc tế;

n) Phòng Tổ chức cán bộ;

o) Phòng Tài chính - Kế toán;

p) Văn phòng.

2. Các Chi cục, Chi nhánh, Trung tâm Đăng kiểm tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các tổ chức khác trực thuộc:

- a) Tạp chí Đăng kiểm;
- b) Trung tâm Đào tạo;
- c) Trung tâm Tin học;
- d) Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn (VRQC);
- đ) Trung tâm Thử nghiệm xe cơ giới (VMTC);
- e) Trung tâm Thử nghiệm khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (NETC).

Điều 4. Lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có Cục trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam; giúp việc Cục trưởng có các Phó Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và pháp luật về nhiệm vụ được Cục trưởng phân công.
2. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm.
3. Các Phó Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 26/2008/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam; bãi bỏ những quy định trước đây trái với Quyết định này.
2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Công đoàn Cơ quan Bộ;
- Các Sở GTVT;
- Báo GTVT, Tạp chí GTVT;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TCCB.

Đinh La Thăng